

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 12 - 2024.

V/v “*Tranh chấp hôn nhân*
và gia đình về ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Mướt**

2. Ông **Lê Thanh Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Bích Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 615/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thúy A**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Tổ H, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ B, ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn Văn P tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới vào đầu năm 2024. Cả hai sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng cố gắng dung hoà để cùng nhau xây dựng cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Tuy nhiên về sau thì nhận thấy cả hai không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung.

Chị A và anh P đã cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nhận thấy cả hai không thể tiếp tục mối quan hệ vợ chồng nên chị Nguyễn Thị Thúy A yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P thừa nhận lời trình bày của chị A về thời gian sống chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay anh Nguyễn Văn P đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy A.

- Về nuôi con: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về chia tài sản khi ly hôn: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- CCCD Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Văn P (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy A về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại Tổ B, ấp F, xã P, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn Văn P tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới vào đầu năm 2024 và chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định tại

Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Sau thời gian chung sống thì nay chị A yêu cầu ly hôn vì cho rằng cả hai không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị A và anh P đã cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được, chị Nguyễn Thị Thúy A yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn P thừa nhận lời trình bày của chị A về thời gian sống chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay anh Nguyễn Văn P đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy A. Tuy nhiên, do chị A và anh P sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử xem xét không công nhận chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng theo Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Chị A và anh P trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh P trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai số 0009211 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 15, 16, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy A.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng.

- Về nuôi con và cấp dưỡng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai số 0009211 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang